

Số: 132/QĐ-iPFC

Cà Mau, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu năm 2025 – Lựa chọn nhà thầu kỳ 01

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH CÔNG**

Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31/10/2025 Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 01472/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Dịch vụ tài chính công thuộc Sở Tài chính tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-iPFC ngày 09/10/2025 của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Dịch vụ tài chính công tỉnh Cà Mau về việc Tổ chức Kỳ thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu năm 2025 – Lựa chọn nhà thầu kỳ 01;

Căn cứ Thông báo số 11/TB-iPFC ngày 22/10/2025 về việc tổ chức thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu năm 2025 - Lựa chọn nhà thầu kỳ 01;

Căn cứ Thông báo số 12/TB-iPFC ngày 15/11/2025 ủy quyền điều hành hoạt động Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Dịch vụ tài chính công;

Theo đề nghị của Bộ phận Dịch vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu năm 2025 – Lựa chọn nhà thầu kỳ 01, gồm 242 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng thi trước ngày thi tối thiểu 03 ngày, lập danh sách chia phòng thi (họ và tên thí sinh dự thi, số báo danh, địa điểm thi, số phòng thi) và trước tối thiểu 01 ngày, niêm yết danh sách tại địa điểm thi.

Điều 3. Ban Giám đốc, Bộ phận chuyên môn, Hội đồng thi và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (thay báo cáo);
- Như Điều 3;
- Đăng tải lên Hệ thống;
- Lưu: VT, HĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Phúc

**DANH SÁCH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI NGHIỆP VỤ
CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU NĂM 2025 - LỰA CHỌN NHÀ THẦU KỲ 01**

(Kèm theo Quyết định số 132/QĐ-iPFC ngày 18/11/2025 của Giám đốc
Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Dịch vụ tài chính công tỉnh Cà Mau)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu
1	Nguyễn Thúy Ái	Nữ	15/05/2000	*****2956
2	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	13/09/1989	*****6180
3	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ	05/05/1987	*****5098
4	Phạm Lan Anh	Nữ	12/05/1985	*****4484
5	Trần Thị Tú Anh	Nữ	17/11/1982	*****2422
6	Bùi Chí Bảo	Nam	17/10/1996	*****4586
7	Trần Thị Thanh Bảo	Nữ	15/02/1991	*****3407
8	Trần Thế Bảo	Nam	28/11/1979	*****0100
9	Đình Hải Bằng	Nam	06/08/1972	*****8821
10	Nguyễn Văn Bé	Nam	28/11/1966	*****2795
11	Trần Ngọc Bích	Nữ	14/11/1982	*****1810
12	Võ Tường Bích	Nam	24/04/1980	*****0957
13	Nguyễn Hữu Bôn	Nữ	15/05/1979	*****1862
14	Ngô Hồng Cẩm	Nữ	15/02/1985	*****5428
15	Lê Cẩm Chi	Nữ	10/07/1995	*****9386
16	Nguyễn Thị Lan Chi	Nữ	16/10/1984	*****1195
17	Trương Thị Phương Chi	Nữ	23/10/1983	*****7429
18	Phan Văn Chiến	Nam	04/11/1995	*****4993
19	Nguyễn Thị Út Chín	Nữ	11/05/1976	*****3067
20	Le Van Cuong	Nam	11/11/1988	*****1454
21	Lương Chí Cường	Nam	27/04/1978	*****4695
22	Trần Huy Cường	Nam	20/10/1988	*****8724
23	Nguyễn Việt Cường	Nam	13/01/1979	*****0770
24	Thạch Thị Dân	Nữ	12/06/1970	*****2859
25	Trương Thị Dề	Nữ	28/12/1982	*****1585
26	Huỳnh Văn Dề	Nam	19/05/1977	*****7582
27	Đoàn Văn Diễn	Nam	15/07/1982	*****9741
28	Nguyễn Hồng Diệp	Nam	01/02/1977	*****5783
29	Võ Thanh Đình	Nam	22/10/1965	*****1777
30	Đình Văn Duẩn	Nam	05/08/1984	*****5271
31	Phạm Thị Hạnh Dung	Nữ	22/12/1988	*****1712
32	Vũ Ngọc Dung	Nữ	24/04/1984	*****3113
33	Hoàng Anh Dũng	Nam	18/05/1995	*****1203
34	Đình Hữu Duy	Nam	01/01/1985	*****0710
35	Nguyễn Khắc Duy	Nam	10/01/1984	*****2452

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu
36	Phạm Nhật Duy	Nam	25/02/1998	*****1696
37	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	16/11/2002	*****1967
38	Đỗ Đại Dương	Nam	22/08/1970	*****5254
39	Bùi Quang Đăng	Nam	16/03/1989	*****8689
40	Nguyễn Minh Đăng	Nam	19/04/1991	*****3179
41	Đỗ Thành Đạt	Nam	01/06/1997	*****5543
42	Tô Văn Đạm	Nam	07/07/1986	*****0249
43	Trần Quang Điền	Nam	08/04/1984	*****6345
44	Trần Kim Đồng	Nam	30/04/1984	*****9105
45	Huỳnh Công Đức	Nam	09/11/1997	*****9124
46	Ngô Minh Đức	Nam	31/07/1985	*****4803
47	Nguyễn Minh Đức	Nam	08/08/1997	*****0570
48	Hứa Thành Được	Nam	21/06/1983	*****3691
49	Nguyễn Trường Giang	Nam	16/02/1971	*****2612
50	Đỗ Thiết Giáp	Nam	06/08/1985	*****2828
51	Lê Văn Giàu	Nam	02/08/1980	*****0271
52	Đoàn Thị Hải	Nữ	27/10/1985	*****5178
53	Nguyễn Chí Hải	Nam	18/03/1989	*****3489
54	Đào Duy Hải	Nam	17/10/1988	*****2917
55	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	23/09/1978	*****2567
56	Phạm Kiều Hải	Nam	16/07/1995	*****7750
57	Trương Thị Ngọc Hằng	Nữ	16/12/1978	*****9911
58	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	27/11/1979	*****0686
59	Lê Thị Ngọc Hân	Nữ	20/01/1991	*****5740
60	Vũ Vinh Hiển	Nam	01/02/1986	*****4461
61	Nguyễn Tiến Hiệp	Nam	31/12/1973	*****5706
62	Đặng Vũ Hiệp	Nam	13/11/1980	*****4082
63	Ngô Văn Hiếu	Nam	23/10/1988	*****8802
64	Lê Thị Hữu Hiếu	Nữ	01/01/1980	*****0763
65	Bui Huy Hoa	Nam	18/11/1990	*****1765
66	Nguyễn Thái Hòa	Nam	02/08/1999	*****0370
67	Trần Thị Hoài	Nữ	31/01/1981	*****2962
68	Nguyễn Thị Kim Hồng	Nữ	24/04/1982	*****1652
69	Trần Tuyết Hồng	Nữ	20/10/1978	*****3007
70	Phạm Hoàng Huân	Nam	25/02/1978	*****4829
71	Phan Mạnh Hùng	Nam	20/06/1996	*****9922
72	Lê Hoàng Huy	Nam	24/07/1989	*****3555
73	Văn Minh Huy	Nam	28/08/1984	*****1249
74	Trương Quang Huy	Nam	29/01/1988	*****7244
75	Cao Thanh Huy	Nam	17/05/2001	*****1117
76	Thái Hán Huyền	Nam	19/04/1978	*****9818
77	Đinh Thị Thu Huyền	Nữ	13/01/1990	*****4212
78	Lại Thị Thu Huyền	Nữ	06/12/1984	*****0247
79	Ngô Thị Thu Hương	Nữ	25/04/1980	*****3501
80	Trần Thị Thanh Hương	Nữ	10/08/1983	*****0302

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu
81	Trần Văn Hưởng	Nam	05/10/1979	*****3272
82	Huỳnh Kha	Nam	02/10/1986	*****0599
83	Dương Minh Kha	Nam	21/11/1994	*****6455
84	Lê Thụy Kha	Nam	30/08/1995	*****4213
85	Nguyễn Hoàng Khang	Nam	06/12/1995	*****0097
86	Trần Quốc Khánh	Nam	04/08/1978	*****0428
87	Nguyễn Anh Khoa	Nam	16/06/1983	*****3308
88	Phạm Ngọc Khỏe	Nữ	16/02/1986	*****9957
89	Nguyễn Văn Khỏe	Nam	20/01/1976	*****0556
90	Phan Minh Khương	Nam	11/12/1972	*****0083
91	Lê Trung Kiên	Nam	24/06/1978	*****3355
92	Lê Trung Kiên	Nam	11/07/1987	*****4960
93	Nguyễn Văn Kiên	Nam	15/03/1984	*****3243
94	Hồ Tấn Kiệt	Nam	10/10/1969	*****0763
95	Trần Thị Kim	Nữ	13/01/1985	*****2408
96	Bùi Thanh Lâm	Nam	18/07/1976	*****6393
97	Ngô Thị Hồng Liên	Nữ	01/10/1975	*****3170
98	Hồ Thị Mộng Linh	Nữ	01/09/1982	*****1108
99	Phạm Thị Mỹ Linh	Nữ	27/10/1979	*****1122
100	Tiêu Ngọc Linh	Nữ	14/09/1978	*****2257
101	Đỗ Thùy Linh	Nữ	22/08/1987	*****2423
102	Huỳnh Thị Yến Linh	Nữ	17/10/1969	*****8221
103	Nguyễn Văn Lịnh	Nam	20/04/1985	*****9735
104	Nguyễn Thành Long	Nam	14/02/1972	*****0961
105	Trần Quang Lộc	Nam	20/10/1998	*****5607
106	Trần Minh Luân	Nam	12/04/1982	*****6507
107	Huỳnh Phú Luân	Nam	01/01/1982	*****8460
108	Nguyễn Võ Phước Luân	Nam	26/07/1987	*****2456
109	Nông Thị Lường	Nữ	15/01/1994	*****1543
110	Trần Công Minh	Nam	31/08/1984	*****7653
111	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	08/04/1978	*****0344
112	Trương Quang Minh	Nam	11/02/1983	*****1112
113	Đào Thị Tuyết Minh	Nữ	03/01/1973	*****7853
114	Huỳnh Tuấn Mỹ	Nam	10/09/1978	*****0207
115	Trần Văn Na	Nam	11/12/1986	*****5026
116	Phạm Hoài Nam	Nam	02/05/1983	*****3987
117	Trần Trâm Hữu Nam	Nam	18/04/1998	*****1116
118	Phạm Thành Nam	Nam	10/11/1984	*****0081
119	Đỗ Trường Nam	Nam	01/01/1990	*****2019
120	Dương Văn Nam	Nam	22/06/1979	*****8378
121	Trần Ngọc Nền	Nam	27/10/1970	*****9340
122	Lương Thị Ngọc Ngà	Nữ	24/08/1994	*****0878
123	Đỗ Thành Ngải	Nam	09/09/1973	*****4021
124	Nguyễn Thị Thùy Ngân	Nữ	01/02/1997	*****8982
125	Trương Thị Mộng Nghi	Nữ	17/06/1994	*****5964

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu
126	Cao Thị Uyển Nghi	Nữ	11/06/1983	*****3484
127	Nguyễn Việt Ngoan	Nam	16/04/1979	*****0163
128	Lê Như Ngọc	Nữ	19/03/1979	*****5194
129	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	29/11/1985	*****4469
130	Trương Trọng Nguyễn	Nam	19/03/1985	*****9613
131	Nhan Trí Nguyễn	Nam	01/01/1998	*****7660
132	Lê Hoàng Nhân	Nam	10/10/1982	*****6109
133	Trương Chí Nhân	Nam	29/06/1997	*****5354
134	Võ Hùng Nhân	Nam	26/12/1977	*****8854
135	Phạm Thành Nhân	Nam	25/09/1982	*****5835
136	Trần Lê Thiên Nhân	Nam	08/10/1982	*****7080
137	Võ Ý Nhiên	Nữ	25/04/2001	*****0906
138	Nguyễn Văn Nhiều	Nam	10/12/1975	*****7132
139	Phạm Văn Nhớ	Nam	10/10/1973	*****0216
140	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Nữ	22/06/1989	*****1973
141	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	20/01/1990	*****8918
142	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	07/01/1982	*****1143
143	Trương Huỳnh Như	Nữ	03/10/1984	*****5209
144	Võ Ngọc Quỳnh Như	Nữ	27/11/2002	*****8933
145	Lê Thị Như	Nữ	02/12/1991	*****0515
146	Vương Quang Như	Nam	02/05/1967	*****0359
147	Nguyễn Cao Nhựt	Nam	20/11/1990	*****8058
148	Nguyễn Như Niên	Nam	08/04/1983	*****0260
149	Trần Thị Thu Nở	Nữ	04/10/1994	*****0089
150	Nguyễn Minh Tiến Phát	Nam	23/02/1990	*****6762
151	Nguyễn Vĩnh Phát	Nam	23/12/2000	*****7878
152	Bùi Thanh Phong	Nam	25/10/1980	*****0212
153	Lê Thanh Phong	Nam	02/08/2001	*****3433
154	Nguyễn Thanh Phong	Nam	09/11/1991	*****1063
155	Lê Phú	Nam	10/10/2000	*****1293
156	Phạm Minh Phú	Nam	30/01/1971	*****9417
157	Võ Thành Phúc	Nam	29/03/1984	*****0213
158	Nguyễn Thị Phúc	Nữ	12/07/1981	*****1539
159	Huỳnh Văn Phúc	Nam	29/06/1993	*****1429
160	Phan Văn Phúc	Nam	10/09/1978	*****0429
161	Võ Hữu Phước	Nam	02/01/1975	*****0522
162	Nguyễn Thiện Phước	Nam	20/04/1986	*****7380
163	Trần Anh Phương	Nam	24/12/1981	*****1115
164	Võ Thị Kim Phương	Nữ	07/12/1972	*****1410
165	Nguyễn Thanh Phương	Nữ	14/06/1994	*****9488
166	Phan Thanh Phương	Nam	16/04/1979	*****3745
167	Ngô Thị Phương	Nữ	18/01/1989	*****8556
168	Nguyễn Thị Phương	Nữ	06/07/1996	*****0734
169	Nguyễn Phước Minh Quân	Nam	25/06/1975	*****0305
170	Phùng Như Quý	Nam	26/09/1982	*****7988

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu
171	Trần Quang Quy	Nam	13/10/1995	*****0397
172	Liêu Hải Quyên	Nữ	14/12/1983	*****0020
173	Trương Thị Phương Quỳnh	Nữ	11/09/1985	*****5717
174	Phan Nguyễn Văn Quỳnh	Nữ	25/05/1972	*****5174
175	Vũ Xuân Sáng	Nam	29/05/1975	*****8944
176	Đoàn Trường Sanh	Nam	20/02/1987	*****0293
177	Đỗ Thị Sen	Nữ	05/11/1989	*****2477
178	Võ Cẩm Sơn	Nam	16/04/1986	*****8245
179	Vũ Hoàng Sơn	Nam	23/11/1989	*****9767
180	Võ Thái Sơn	Nam	29/04/1981	*****0562
181	Phan Thị Thanh Tâm	Nữ	01/10/1980	*****5097
182	Võ Thanh Tâm	Nữ	16/10/1976	*****0026
183	Nguyễn Thị Thu Tâm	Nữ	01/05/1983	*****0560
184	Nguyễn Duy Tân	Nam	10/02/1982	*****0981
185	Phạm Hồng Thái	Nam	09/11/1978	*****2473
186	Nguyễn Hoài Thanh	Nam	16/01/1986	*****4578
187	Thiều Thị Kim Thanh	Nữ	05/11/1980	*****0927
188	Vũ Thị Lan Thanh	Nữ	19/06/1978	*****7741
189	Nguyễn Văn Thanh	Nam	01/08/1976	*****7637
190	Nhâm Đại Thành	Nam	29/05/1990	*****6430
191	Trịnh Đình Thảo	Nam	22/02/1976	*****8848
192	Quách Đình Thi	Nam	01/01/1990	*****9192
193	Châu Đặng Hữu Thịnh	Nam	23/05/1999	*****9526
194	Lâm Quốc Thịnh	Nam	15/08/1990	*****9307
195	Phạm Huy Thông	Nam	19/08/1992	*****5276
196	Lê Đình Thuận	Nam	18/10/1989	*****2129
197	Hồng Minh Thủy	Nam	17/05/1980	*****0210
198	Lê Thị Trúc Thủy	Nữ	15/10/1986	*****3895
199	Lê Trần Kim Thùy	Nữ	29/12/1995	*****5301
200	Lê Thị Bích Thủy	Nữ	16/12/1985	*****1812
201	Cao Hữu Thức	Nam	18/05/1978	*****2091
202	Mạc Văn Thực	Nam	27/11/1979	*****6434
203	Nguyễn Việt Tiến	Nam	08/10/1989	*****8679
204	Nguyễn Việt Tiệp	Nam	07/07/1974	*****0086
205	Ngô Hoàng Tín	Nam	27/11/1968	*****3522
206	Nguyễn Trung Tín	Nam	08/11/1980	*****6647
207	Đặng Đức Toàn	Nam	05/11/1982	*****0238
208	Bùi Minh Toàn	Nam	12/11/1989	*****4121
209	Lê Ngọc Toàn	Nam	04/05/1979	*****3547
210	Phan Quốc Toàn	Nam	01/11/1988	*****6405
211	Kim Ngọc Thanh Toàn	Nam	28/12/1984	*****0971
212	Nguyễn Thị Diễm Trang	Nữ	31/03/1976	*****4396
213	Nguyễn Thị Diễm Trang	Nữ	03/03/1977	*****0186
214	Trần Huỳnh Trang	Nữ	08/12/1991	*****8297
215	Bùi Thị Hương Trang	Nữ	18/06/1990	*****7115

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu
216	Le Thi Trang	Nữ	25/06/1988	*****6783
217	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	11/11/1981	*****2691
218	Thái Hải Trí	Nam	14/01/1974	*****9426
219	Huỳnh Minh Trí	Nam	18/10/1980	*****3314
220	Lê Đức Minh Trí	Nam	03/07/1992	*****7342
221	Cao Minh Trị	Nam	09/09/1977	*****0105
222	Lý Tú Trinh	Nữ	04/02/1989	*****5894
223	Hoàng Đức Trịnh	Nam	15/02/1972	*****3302
224	Lê Quốc Trọng	Nam	03/07/1984	*****0122
225	Trần Thanh Trúc	Nam	07/12/1979	*****9763
226	Trần Thị Thanh Trúc	Nữ	08/11/1991	*****1623
227	Trần Văn Thế Trung	Nam	01/06/1982	*****8408
228	Nguyễn Toàn Trung	Nam	01/05/1989	*****7682
229	Dương Minh Tú	Nam	01/01/1980	*****0537
230	Nguyễn Thanh Tú	Nam	12/08/1982	*****5351
231	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	14/02/1988	*****2995
232	Dương Minh Tuấn	Nam	25/12/1985	*****5986
233	Hồ Thanh Tuấn	Nam	22/01/1987	*****0902
234	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	27/09/1968	*****0101
235	Trương Việt Tùng	Nam	23/05/1982	*****0253
236	Nguyễn Văn Tư	Nam	01/01/1985	*****0290
237	Nguyễn Thị Huyền Vân	Nữ	18/09/1982	*****0256
238	Nguyễn Hàng Minh Vinh	Nam	10/01/1993	*****8644
239	Đoàn Trường Vinh	Nam	19/07/1994	*****4376
240	Trần Đỗ Vũ	Nam	07/05/1979	*****0304
241	Nguyễn Bắc Vương	Nam	25/10/1976	*****8503
242	Trần Ngọc Thảo Vy	Nữ	16/06/2000	*****5749